

## KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026

### NHÓM TRẺ 25 - 36 THÁNG

Căn cứ vào chương trình giáo dục của nhà trường năm học 2025 - 2026;  
Căn cứ vào cơ sở vật chất, đặc điểm tình hình thực tế của trẻ, nhóm trẻ 25 - 36 tháng xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2025 - 2026 như sau:

| Stt                                    | Mục tiêu                                                                                                                     | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Chủ đề thực hiện | Điều chỉnh bổ sung |
|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--------------------|
| <b>1. Lĩnh vực phát triển thể chất</b> |                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                  |                    |
| 1                                      | Cân nặng bình thường<br>Trẻ trai: 11,3 - 18,3 kg<br>Trẻ gái: 10,8 - 18,1 kg                                                  | - Cân trẻ 4 lần /năm, với trẻ suy dinh dưỡng 1 tháng 1 lần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 9                |                    |
| 2                                      | Chiều cao bình thường<br>Trẻ trai: 88,7 - 103,5 cm<br>Trẻ gái: 87,4 - 102,7 cm                                               | - Đo trẻ 4 lần /năm, với trẻ thấp còi 1 tháng 1 lần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 9                |                    |
| <b>a) Phát triển vận động</b>          |                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                  |                    |
| 3                                      | Trẻ thực hiện được động tác trong bài thể dục: Hô hấp, tay, lưng/bụng và chân                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hô hấp: Hít vào, thở ra</li> <li>- Tay: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giơ lên cao</li> <li>+ Đưa ra phía trước</li> <li>+ Đưa sang ngang</li> <li>+ Đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay</li> </ul> </li> <li>- Lưng, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nghiêng người sang 2 bên</li> <li>+ Cúi người về phía trước</li> <li>+ Vặn người sang 2 bên</li> </ul> </li> <li>- Chân: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Co duỗi từng chân.</li> <li>+ Ngồi xuống, đứng lên</li> </ul> </li> </ul> | 1->9             |                    |
| 4                                      | Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh-chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi theo hiệu lệnh.</li> <li>- Đi trong đường hẹp</li> <li>- Đi bước qua gậy kê cao</li> <li>- Đi có mang vật trên tay</li> <li>- Chạy theo hướng thẳng</li> <li>- Đứng co 1 chân</li> <li>- Đi theo đường ngoằn ngoèo</li> <li>- Chạy đổi hướng</li> <li>- Đi kết hợp với chạy</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                       | 1->9             |                    |

|   |                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                           |                     |  |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--|
| 5 | Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung- bắt bóng với cô khoảng cách 1m, ném vào đích xa 1 -> 1,2m.                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tung - bắt bóng cùng cô</li> <li>- Ném bóng vào đích</li> <li>- Ném xa bằng 1 tay</li> <li>- Tung bóng qua dây</li> </ul>                                                                                                        | 2,3,4, 7,8          |  |
| 6 | Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bò thẳng hướng và có mang vật trên lưng</li> <li>- Bò chui qua cổng</li> <li>- Bò, trườn qua vật cản</li> <li>- Bò theo đường zích zắc</li> <li>- Bò theo đường ngoằn ngoèo</li> <li>- Bò thẳng hướng theo đường hẹp.</li> </ul> | 1,2,3, 4,5,7, 6,8,9 |  |
| 7 | Trẻ biết thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m)                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bật tại chỗ.</li> <li>- Bật qua vạch kẻ.</li> <li>- Ném bóng về phía trước</li> <li>- Nhún bật về phía trước</li> <li>- Bật qua các vòng.</li> </ul>                                                                             | 1,2, 3, 4,5, 6, 8,9 |  |
| 8 | Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện " múa khéo"                                                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, Rót, nhào, khuấy, đào, vò xé</li> <li>- Đóng cọc bàn gỗ</li> </ul>                                                                                                                      | 1- 9                |  |
| 9 | Trẻ biết phối hợp cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất, nặn, vẽ tổ chim, xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhón, nhặt đồ vật</li> <li>- Tập xâu, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây</li> <li>- Chắp ghép hình</li> <li>- Xếp chồng 6-8 khối gỗ</li> <li>- Tập cầm bút tô, vẽ</li> <li>- Lật mở trang sách</li> </ul>                          |                     |  |

**b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe**

|    |                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                       |              |  |
|----|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--|
| 10 | Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau</li> <li>- Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống</li> <li>- Thực hiện tuần lễ dinh dưỡng với chủ đề "Ngày hội dinh dưỡng của bé"</li> </ul> | 1,2,3, 5     |  |
| 11 | Trẻ thực hiện được ngủ 1 giấc buổi trưa                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luyện tập thói quen ngủ 1 giấc trưa</li> </ul>                                                                                                                                                               | 1,2          |  |
| 12 | Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định</li> <li>- Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, uống, vệ sinh</li> </ul>                                                                                                | 1,2,3, 4,7,8 |  |

|    |                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |           |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
| 13 | Trẻ làm được 1 số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luyện tập một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín, Rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; bỏ rác đúng nơi quy định</li> <li>- Tự phục vụ: xúc cơm, uống nước</li> <li>- Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt</li> <li>- Chuẩn bị chỗ ngủ</li> </ul> | 1,2,5,9   |  |
| 14 | Trẻ biết chấp nhận đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị ẩm ướt</li> <li>- Mặc quần áo ấm khi trời lạnh.</li> </ul>                                                                                                                                                                                               | 1,2,3,5,9 |  |
| 15 | Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giềng) khi được nhắc nhở     | - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào gần hoặc đến gần.                                                                                                                                                                                                                                                   | 3,7,8,9   |  |
| 16 | Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở. | - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2,3,7,8,9 |  |

## **2. Lĩnh vực phát triển nhận thức**

|    |                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |         |  |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--|
| 17 | Trẻ có thể sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc.</li> <li>- Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật.</li> <li>– Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng -mềm, trơn (nhẵn) - xù xì.</li> <li>- Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua)</li> <li>- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu.</li> </ul> | 3,5,6,7 |  |
| 18 | Trẻ biết chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi</li> <li>– Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen</li> </ul>                                                                                                                                                                                                          | 1,3,4,9 |  |

|    |                                                                                                       |                                                                                                                                                                |                         |  |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--|
|    | thuộc.                                                                                                | thuộc.<br>– Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp.                                                                                                     |                         |  |
| 19 | Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.                                    | – Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.<br>– Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.<br>– Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp.  | 1,2,4                   |  |
| 20 | Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi, giới tính, những người thân yêu | – Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.<br>- Cha mẹ người thân yêu, tránh người lạ.                                 | 2,4                     |  |
| 21 | Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc              | - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa quả quen thuộc<br>– Tên, đặc điểm nổi bật công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.      | 5,7,8                   |  |
| 22 | Trẻ biết chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu.                   | – Màu đỏ, vàng, xanh.                                                                                                                                          | 1,2,3,<br>4,5,6,<br>8,9 |  |
| 23 | Trẻ biết chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ;                                     | – Kích thước to - nhỏ...<br>– Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ.<br>– Số lượng một - nhiều.<br>– Hình tròn, hình vuông... | 3,4,5,<br>7, 9          |  |

### **3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ**

|    |                                                                                                                               |                                                                                                                                                                     |                 |  |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--|
| 24 | Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động;                                                                                | – Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.<br>– Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.<br>– Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. | 2,4,<br>6,8     |  |
| 25 | Trẻ biết trả lời các câu hỏi :<br>“Ai đây?”, “Cái gì đây?”,<br>“...làm gì?”, “....thế nào ?”<br>(ví dụ: con gà gáy thế nào?”, | – Nghe các câu hỏi: cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào?<br>– Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?, .... thế nào?, để làm gì?, tại            | 1,2,3,<br>5,7,9 |  |

|                                                                   |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                           |                         |  |
|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--|
|                                                                   | ...)                                                                                                                                                                                | sao?...                                                                                                                                                                                                   |                         |  |
| 26                                                                | Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.                                                                  | – Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.<br>- Lắng nghe khi người lớn đọc sách<br>- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có sự gợi ý                               | 1,3,4,<br>5,6,7,<br>8,9 |  |
| 27                                                                | Trẻ biết phát âm rõ tiếng.                                                                                                                                                          | - Phát âm các âm khác nhau                                                                                                                                                                                | 1->9                    |  |
| 28                                                                | Trẻ đọc được bài thơ ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo                                                                                                                    | - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có 3-4 tiếng                                                                                                                                                             | 1->9                    |  |
| 29                                                                | Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, đồ vật hoạt động, đặc điểm quen thuộc.                                                                   | – Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.                                                                                                                              | 4,5,6,<br>7,8,9         |  |
| 30                                                                | Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau:<br>– Chào hỏi, trò chuyện.<br>– Bày tỏ nhu cầu của bản thân.<br>– Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?, ... | – Giao tiếp với những người xung quanh<br>- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.<br>- Xem tranh và gọi tên nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh | 2,3,4,<br>7,8,9         |  |
| 31                                                                | Trẻ biết nói to, đủ nghe, lễ phép.                                                                                                                                                  | – Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.                                                                                                                                        | 4,6,9                   |  |
| <b>4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ</b> |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                           |                         |  |
| 32                                                                | Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi)                                                                                                                                  | – Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân.                                                                                                                                                  | 2                       |  |
| 33                                                                | Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích.                                                                                                                                   | – Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình<br>- Thích bắt chước người khác, đặc biệt thích bắt chước người lớn                                                                                | 2,3                     |  |
| 34                                                                | Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.                                                                                                            | – Giao tiếp với những người xung quanh.                                                                                                                                                                   | 4,6,9                   |  |
|                                                                   | Trẻ nhận biết được trạng                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                           |                         |  |

|    |                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                          |         |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--|
| 35 | thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.                                                                                                 | – Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.                                                                                                                                                                  | 2,4,9   |  |
| 36 | Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                          |         |  |
| 37 | Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.                                 | – Quan tâm đến các vật nuôi.<br>- Biết chăm sóc con vật nuôi .                                                                                                                                                                           | 7       |  |
| 38 | Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ă, vâng ă.                                                                                     | – Thực hiện một số hành vi giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, ‘vâng ă’.<br>- Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn)                                                                                                       | 1,2,4,6 |  |
| 39 | Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...). | – Thực hiện một số hành vi văn hóa chơi cạnh bạn, không cầu bạn.<br>– Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.                                                                                                                                      | 1->9    |  |
| 40 | Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.                                                                                         | – Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.<br>- Chơi hòa thuận với bạn                                                                                                                                 | 1,3,9   |  |
| 41 | Trẻ biết thực hiện một số yêu cầu của người lớn.                                                                                | – Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.<br>– Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định.<br>- Thực hiện một số quy định ở lớp (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ) | 3,5,8   |  |
| 42 | Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.                                                   | – Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh các nhạc cụ.<br>– Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.                                                                                                               | 1->9    |  |
| 43 | Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).                                           | – Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xếp hình, xé, vò, xếp hình                                                                                                                                                                    | 1-9     |  |

## DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

| Thời gian,<br>(Tháng,<br>ngày....<br>đến ngày) | Stt | Chủ đề                                                   | Chủ đề nhánh                            | Số<br>tuần | Lễ<br>hội | Điều<br>chỉnh bổ<br>sung |
|------------------------------------------------|-----|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------|-----------|--------------------------|
| 8/9 –<br>26/9/2025                             | 1   | Bé và các<br>bạn                                         | Lớp học của bé                          | 1          |           |                          |
|                                                |     |                                                          | Các bạn của bé                          | 1          |           |                          |
|                                                |     |                                                          | Các cô, bác trong trường bé             | 1          |           |                          |
| 29/9 -<br>24/10/2025                           | 2   | Bé biết gì<br>về bản<br>thân                             | Bé là ai                                | 2          |           |                          |
|                                                |     |                                                          | Cơ thể kỳ diệu của bé                   | 2          |           |                          |
| 27/10 -<br>21/11/2025                          | 3   | Đồ dùng<br>đồ chơi<br>của bé                             | Những đồ chơi gần gũi<br>quen thuộc     | 1          |           |                          |
|                                                |     |                                                          | Những đồ chơi bé thích                  | 1          |           |                          |
|                                                |     |                                                          | Đồ dùng của bé                          | 2          |           |                          |
| 24/11-<br>19/12/2025                           | 4   | Bé và<br>những<br>người<br>thân yêu<br>trong gia<br>đình | Gia đình thân yêu của bé                | 2          |           |                          |
|                                                |     |                                                          | Bố mẹ của bé                            | 1          |           |                          |
|                                                |     |                                                          | Đồ dùng quen thuộc trong<br>gia đình bé | 1          |           |                          |
| 22/12 -<br>16/1/2026                           | 5   | Hoa, quả,<br>rau, củ bé<br>yêu                           | Bé yêu hoa                              | 1          |           |                          |
|                                                |     |                                                          | Bé thích quả gì?                        | 1          |           |                          |
|                                                |     |                                                          | Bé biết rau gì?                         | 1          |           |                          |
|                                                |     |                                                          | Đố bé biết củ gì?                       | 1          |           |                          |

|                     |   |                                |                                                                      |    |  |  |
|---------------------|---|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----|--|--|
| 19/1 -<br>13/2/2026 | 6 | Tết và<br>mùa xuân             | Sắp đến tết rồi                                                      | 1  |  |  |
|                     |   |                                | Ngày tết vui vẻ                                                      | 1  |  |  |
|                     |   |                                | Mùa xuân đến rồi                                                     | 2  |  |  |
| 23/2 –<br>20/3/2026 | 7 | Những<br>con vật<br>đáng yêu   | Con vật nuôi trong gia đình<br>có 2 chân                             | 1  |  |  |
|                     |   |                                | Con vật nuôi trong gia đình<br>có 4 chân                             | 1  |  |  |
|                     |   |                                | Con vật sống trong rừng                                              | 1  |  |  |
|                     |   |                                | Con vật sống dưới nước                                               | 1  |  |  |
| 23/3 –<br>17/4/2026 | 8 | Phương<br>tiện giao<br>thông   | Phương tiện giao thông<br>đường bộ: Xe đạp, xe máy;<br>ô tô, tàu hỏa | 2  |  |  |
|                     |   |                                | Phương tiện giao thông<br>đường thủy                                 | 1  |  |  |
|                     |   |                                | Phương tiện giao thông<br>đường hàng không                           | 1  |  |  |
| 20/4 –<br>22/5/2026 | 9 | Mùa hè -<br>Bé lên<br>mẫu giáo | Mùa hè đến rồi                                                       | 1  |  |  |
|                     |   |                                | Trang phục mùa hè                                                    | 1  |  |  |
|                     |   |                                | Bé lên mẫu giáo                                                      | 1  |  |  |
|                     |   |                                | Các hoạt động hàng ngày<br>của bé ở lớp                              | 1  |  |  |
| Tổng                |   |                                |                                                                      | 35 |  |  |

**BAN GIÁM HIỆU**

Cà Thị Thanh Huyền